

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 27 /2018/QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Định, ngày 20 tháng 7 năm 2018

Người ký: Sở
Tư pháp
Email:
sotuphap@stp.
binhdinh.gov.
vn
Cơ quan: Tỉnh
Bình Định



QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định.

Điều 2. Giao Sở Tài chính chủ trì hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2018 và bãi bỏ Quyết định số 03/2016/QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định trách nhiệm và phân cấp thẩm quyền quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định.

SỞ TƯ PHÁP
Số: 2728
Ngày: 10/8/18
Chuyên:

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. *S. Nam* ✓

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Cục Kiểm tra VBQPPL- Bộ Tư pháp ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- LĐ và CV VPUBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo;
- Trung tâm Tin học;
- Phòng QT-TV;
- Lưu: VT, K7. *he*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Hồ Quốc Dũng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng đối với tài sản công tại các cơ quan,
tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND
ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công tại: Cơ quan nhà nước; đơn vị sự nghiệp công lập; cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước các huyện, thị xã, thành phố (gọi tắt là cấp huyện); tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị) và tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định.

2. Tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này, bao gồm:

a) Đối với cơ quan nhà nước: Tài sản bằng hiện vật do Nhà nước giao; tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm, sửa chữa từ ngân sách nhà nước, nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

b) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập: Tài sản bằng hiện vật do Nhà nước giao; tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm, sửa chữa từ ngân sách nhà nước, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, quỹ khấu hao tài sản, nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật; tài sản được hình thành từ nguồn vốn vay, vốn huy động, liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

c) Đối với tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện: Tài sản bằng hiện vật do Nhà nước giao; tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm từ ngân sách nhà nước.

d) Đối với các tổ chức chính trị - xã hội: Tài sản bằng hiện vật do Nhà nước giao; tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm, sửa chữa, thuê tài sản, khoán kinh phí từ ngân sách nhà nước.

đ) Đối với các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ



chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội: Tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp được Nhà nước giao hoặc hình thành từ ngân sách nhà nước.

e) Đối với tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước: Tài sản bằng hiện vật do Nhà nước giao hoặc được đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê từ nguồn kinh phí được phép sử dụng để phục vụ hoạt động của từng dự án.

3. Tài sản công không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này, bao gồm:

a) Tài sản do Nhà nước giao cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp sử dụng mà không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

b) Việc phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản công thuộc kết cấu hạ tầng phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng; tài sản sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh quốc gia (trừ việc đầu tư, mua sắm tài sản phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội từ nguồn kinh phí thuộc phạm vi quản lý của tỉnh); tài sản công tại doanh nghiệp; tiền thuộc ngân sách nhà nước, các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách và dự trữ ngoại hối nhà nước; đất đai, tài nguyên, kho số viễn thông, kho số khác và các tài nguyên khác thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

2. Các đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân đóng trên địa bàn tỉnh: việc đầu tư, mua sắm tài sản để phục vụ nhiệm vụ quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội từ nguồn kinh phí thuộc phạm vi quản lý của tỉnh thực hiện theo Quy định này, các nội dung về quản lý, sử dụng, xử lý tài sản thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp

1. Phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công nhằm đảm bảo việc quản lý, sử dụng tài sản công được thực hiện theo đúng quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; phân cấp rõ về thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Việc phân cấp phù hợp với quy định về phân cấp quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội, quản lý ngân sách nhà nước, đáp ứng tình hình thực tế và yêu cầu công tác quản lý tài sản công trong giai đoạn hiện nay của tỉnh.

2. Tài sản công phải được sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích, công năng, đối tượng, tiêu chuẩn, định mức, chế độ theo quy định của pháp luật. Việc quản lý, sử dụng tài sản công phải được thực hiện công khai, minh bạch, bảo đảm thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng; được giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán; mọi hành vi vi phạm pháp luật về quản



lý, sử dụng tài sản công phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

3. Việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công là để tạo điều kiện và nâng cao năng lực quản lý cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị đối với tài sản công; đồng thời tăng cường thực hiện công tác giám sát, hướng dẫn, kiểm tra của các cấp, các ngành cũng như các cơ quan, tổ chức, đơn vị về quản lý, sử dụng tài sản công.

4. Đối với việc mua sắm máy móc, thiết bị và tài sản khác phục vụ công tác chuyên môn từ nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản, kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia và kinh phí đối ứng chương trình mục tiêu quốc gia: ngoài việc thực hiện theo thẩm quyền phân cấp phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và dự toán xây dựng, Thủ trưởng đơn vị thực hiện mua sắm tài sản phải có văn bản thống nhất ý kiến với cơ quan tài chính cùng cấp theo Quy định này trước khi quyết định mua sắm.

Điều 4. Nội dung phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công

1. Quyết định mua sắm tài sản công.
2. Quyết định sửa chữa, bảo dưỡng tài sản công.
3. Quyết định thuê tài sản.
4. Quyết định thu hồi tài sản công.
5. Quyết định điều chuyển tài sản công.
6. Quyết định bán tài sản công.
7. Quyết định thanh lý tài sản công.
8. Quyết định tiêu hủy tài sản công.
9. Quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.
10. Phê duyệt đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê.
11. Phê duyệt đề án sử dụng tài sản công vào mục đích liên doanh, liên kết.
12. Phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án.



Chương II

PHÂN CẤP QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TỈNH

Điều 5. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công

1. Trên cơ sở đề nghị của Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm các tài sản công thuộc phạm vi quản lý (trừ trường hợp quy định tại khoản 9 Điều này), gồm:

- a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;
- b) Ô tô và phương tiện vận tải khác;

c) Máy móc, thiết bị và các tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản hoặc gói mua sắm tài sản có dự toán từ 05 tỷ đồng trở lên của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định mua sắm máy móc, thiết bị và các tài sản khác (trừ trường hợp quy định tại khoản 8, khoản 9 Điều này):

a) Trường hợp các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh có đơn vị trực thuộc:

- Có giá trị từ 300 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc gói mua sắm tài sản có dự toán từ 01 tỷ đồng đến dưới 05 tỷ đồng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý sau khi có ý kiến thống nhất của Sở Tài chính.

- Có giá trị từ 200 triệu đồng đến dưới 300 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc gói mua sắm tài sản có dự toán từ 300 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, đồng gửi báo cáo cho Sở Tài chính để theo dõi.

b) Trường hợp các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh không có đơn vị trực thuộc:

- Có giá trị từ 300 triệu đồng dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc gói mua sắm tài sản có dự toán từ 01 tỷ đồng dưới 05 tỷ đồng tại đơn vị mình sau khi có ý kiến thống nhất của Sở Tài chính.

- Có giá trị dưới 300 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc gói mua sắm tài sản có dự toán dưới 01 tỷ đồng tại đơn vị mình.

3. Thủ trưởng tại các đơn vị dự toán trực thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định mua sắm máy móc, thiết bị và các tài sản khác:

Có giá trị dưới 200 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc gói mua sắm tài sản có dự toán dưới 300 triệu đồng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, đồng gửi báo cáo cho cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp để theo dõi.

4. Trên cơ sở đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm máy móc, thiết bị và các tài sản khác



có giá trị từ 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc gói mua sắm tài sản có dự toán từ 01 tỷ đồng đến dưới 05 tỷ đồng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

5. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện quyết định mua sắm máy móc, thiết bị và các tài sản khác:

a) Trường hợp các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện có đơn vị trực thuộc:

- Có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc gói mua sắm có dự toán từ 200 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý sau khi có ý kiến thống nhất của Phòng Tài chính - Kế hoạch.

- Có giá trị từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc gói mua sắm tài sản có dự toán từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, đồng gửi báo cáo cho cơ quan tài chính cùng cấp đề theo dõi.

b) Trường hợp các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện không có đơn vị trực thuộc:

- Có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc gói mua sắm có dự toán từ 200 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý sau khi có ý kiến thống nhất của Phòng Tài chính - Kế hoạch.

- Có giá trị dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc gói mua sắm có dự toán dưới 200 triệu đồng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

6. Thủ trưởng tại các đơn vị dự toán trực thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện quyết định mua sắm máy móc, thiết bị và các tài sản khác:

Có giá trị dưới 50 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc gói mua sắm tài sản có dự toán dưới 100 triệu đồng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, đồng gửi báo cáo cho cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp đề theo dõi.

7. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi tắt là cấp xã) quyết định mua sắm máy móc, thiết bị và các tài sản khác:

a) Có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc gói mua sắm tài sản có dự toán từ 200 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý sau khi có ý kiến thống nhất của Phòng Tài chính - Kế hoạch.

b) Có giá trị dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc gói mua sắm tài sản có dự toán dưới 200 triệu đồng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

8. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên quyết định việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản (trừ trường hợp quy định tại

điểm a, b và c khoản 1 Điều này) từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị, phù hợp với tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

9. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản (trừ trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này) từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị, phù hợp với tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

10. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn vốn để mua sắm tài sản, trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều này.

11. Việc mua sắm tài sản công trong trường hợp phải lập thành dự án đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan.

12. Giá trị 01 đơn vị tài sản là đơn giá/01 đơn vị tài sản; gói mua sắm tài sản là kinh phí mua sắm được cấp có thẩm quyền giao trong dự toán hàng năm, kinh phí bổ sung (nếu có) hoặc nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật để mua sắm tài sản trên cơ sở tiêu chuẩn, định mức và chế độ do Nhà nước quy định.

13. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị lập kế hoạch mua sắm tài sản công theo thời gian lập dự toán ngân sách, gửi cơ quan quản lý cấp trên và cơ quan tài chính cùng cấp để theo dõi, tổng hợp. Nghiêm cấm việc chia lẻ giá trị mua sắm tài sản công để thực hiện việc mua sắm theo các hình thức không thuộc thẩm quyền hoặc cố tình quyết định mua sắm tài sản không đảm bảo theo phân cấp của cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại Điều này.

14. Đối với việc mua sắm vật tư, công cụ, dụng cụ bảo đảm hoạt động thường xuyên (trừ các vật tư, công cụ, dụng cụ đã có văn bản của Nhà nước quy định khác hoặc hướng dẫn riêng) của cơ quan, tổ chức, đơn vị do Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định việc mua sắm theo Quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, tổ chức, đơn vị và các quy định hiện hành.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định sửa chữa, bảo dưỡng tài sản công

1. Đối với việc sửa chữa, bảo dưỡng tài sản công sử dụng từ nguồn vốn đầu tư phát triển thì thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng.

2. Trên cơ sở đề nghị của Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc sửa chữa, bảo dưỡng tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp có dự toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản; xe ô tô, phương tiện vận tải khác, máy móc, thiết bị và các tài sản khác có dự toán từ 300 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ

chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

3. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định sửa chữa, bảo dưỡng tài sản (trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 4, khoản 9 Điều này):

a) Trường hợp các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh có đơn vị trực thuộc:

- Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp có dự toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản; xe ô tô, phương tiện vận tải khác, máy móc, thiết bị và các tài sản khác có dự toán từ 100 triệu đồng đến dưới 300 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý sau khi có ý kiến thống nhất của Sở Tài chính.

- Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp có dự toán từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản; xe ô tô, phương tiện vận tải khác, máy móc, thiết bị và các tài sản khác có dự toán từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

b) Trường hợp các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh không có đơn vị trực thuộc:

- Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp có dự toán từ 100 đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản; xe ô tô, phương tiện vận tải khác, máy móc, thiết bị và các tài sản khác có dự toán từ 100 triệu đồng đến dưới 300 triệu đồng/01 đơn vị tài sản tại đơn vị mình sau khi có ý kiến thống nhất của Sở Tài chính.

- Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp có dự toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản; xe ô tô, phương tiện vận tải khác, máy móc, thiết bị và các tài sản khác có dự toán dưới 100 triệu/01 đơn vị tài sản tại đơn vị mình.

4. Thủ trưởng tại các đơn vị dự toán trực thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quản lý:

a) Quyết định sửa chữa, bảo dưỡng tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp có dự toán dưới 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản; xe ô tô, phương tiện vận tải khác, máy móc, thiết bị và các tài sản khác có dự toán dưới 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

b) Riêng đối với ngành y tế, Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị có dự toán dưới 300 triệu đồng/01 đơn vị tài sản từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và các nguồn thu hợp pháp khác tại đơn vị mình (trừ trường hợp quy định tại khoản 9 Điều này).

5. Trên cơ sở đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch và các cơ quan có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định sửa chữa, bảo dưỡng tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp có dự toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản; xe ô tô, phương tiện vận tải khác, máy móc, thiết bị và các tài sản khác có dự toán từ 100 triệu đồng đến dưới 300

triệu đồng/01 đơn vị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

6. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện quyết định sửa chữa, bảo dưỡng tài sản:

a) Trường hợp các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện có đơn vị trực thuộc:

- Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp có dự toán từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản; xe ô tô, phương tiện vận tải khác, máy móc, thiết bị và các tài sản khác có dự toán từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý sau khi có ý kiến thống nhất của Phòng Tài chính - Kế hoạch.

- Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp có dự toán từ 20 triệu đồng đến dưới 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản; xe ô tô, phương tiện vận tải khác, máy móc, thiết bị và các tài sản khác có dự toán từ 20 triệu đồng đến dưới 50 triệu đồng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

b) Trường hợp các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện không có đơn vị trực thuộc:

Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp có dự toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản; xe ô tô, phương tiện vận tải khác, máy móc, thiết bị và các tài sản khác có dự toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản tại đơn vị mình.

7. Thủ trưởng tại các đơn vị dự toán trực thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện quản lý:

Quyết định sửa chữa, bảo dưỡng tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp có dự toán dưới 20 triệu đồng/01 đơn vị tài sản; xe ô tô, phương tiện vận tải khác, máy móc, thiết bị và các tài sản khác có dự toán dưới 20 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

8. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định sửa chữa, bảo dưỡng tài sản:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp có dự toán từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản; xe ô tô, phương tiện vận tải khác, máy móc, thiết bị và các tài sản khác có dự toán từ 20 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý sau khi có ý kiến thống nhất của Phòng Tài chính - Kế hoạch.

b) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp có dự toán dưới 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản; xe ô tô, phương tiện vận tải khác, máy móc, thiết bị và các tài sản khác có dự toán dưới 20 triệu đồng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

9. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên,

đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định việc sửa chữa, bảo dưỡng tài sản (trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này) từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ, định mức Nhà nước quy định.

10. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn vốn để sửa chữa, bảo dưỡng tài sản, trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều này.

11. Việc bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công của tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thực hiện theo dự toán chi từ nguồn kinh phí của các tổ chức này.

12. Về thẩm quyền quy định chế độ, tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật, quy trình sửa chữa, bảo dưỡng tài sản công:

a) Đối với tài sản công đã có quy định về chế độ, tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật sửa chữa, bảo dưỡng tài sản công của Bộ quản lý ngành hoặc của Ủy ban nhân dân tỉnh: giao Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện theo quy định.

b) Đối với tài sản công chưa có chế độ, tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật, quy trình sửa chữa, bảo dưỡng của Bộ quản lý ngành hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh: giao Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công quy định chế độ bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công thuộc phạm vi quản lý.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản

1. Trên cơ sở đề nghị của Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê tài sản cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này), gồm:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp để phục vụ hoạt động thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh;

b) Máy móc, thiết bị và các tài sản khác phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, có giá trị 01 lần thuê (tính cho cả thời gian thuê) từ 200 triệu đồng trở lên.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định thuê tài sản (trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này):

a) Máy móc, thiết bị và các tài sản khác phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, có giá trị 01 lần thuê (tính cho cả thời gian thuê) từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Tài chính.

b) Máy móc, thiết bị và các tài sản khác phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, có giá trị 01 lần thuê (tính cho cả thời gian thuê) dưới 100 triệu đồng.



3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thuê tài sản:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp để phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện và cấp xã quản lý.

b) Máy móc, thiết bị và các tài sản khác phục vụ hoạt động cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, có giá trị 01 lần thuê (tính cho cả thời gian thuê) từ 100 triệu đồng trở lên.

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thuê máy móc, thiết bị và các tài sản khác phục vụ hoạt động cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, có giá trị 01 lần thuê (tính cho cả thời gian thuê) dưới 100 triệu đồng sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Phòng Tài chính - Kế hoạch.

5. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định việc thuê tài sản từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị.

6. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn vốn để thuê tài sản, trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này.

7. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định thuê tài sản: Ô tô, phương tiện vận tải; trang thiết bị làm việc nhằm phục vụ hoạt động chuyên môn của đơn vị trong nguồn kinh phí được ngân sách nhà nước giao hàng năm.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Trên cơ sở đề nghị của Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản công do các cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

b) Xe ô tô, phương tiện vận tải khác;

c) Máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

d) Tài sản do thực hiện đầu tư xây dựng mới; tài sản do mua sắm, điều chuyển, thu hồi, bán, chuyển đổi sở hữu không đúng thẩm quyền theo quy định.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thu hồi tài sản: Máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản: máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện và cấp xã quản lý.



Điều 9. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Trên cơ sở đề nghị của Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, bao gồm:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

b) Xe ô tô, phương tiện vận tải khác;

c) Máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh; giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh và cấp huyện, cấp xã thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

3. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc sau khi có ý kiến thống nhất của Sở Tài chính.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công

1. Trên cơ sở đề nghị của Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, bao gồm:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

b) Xe ô tô, phương tiện vận tải khác;

c) Máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản (trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này).

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định bán các tài sản máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý (trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán các tài sản máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản thuộc cấp huyện và cấp xã quản lý.

4. Riêng tài sản được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định (trừ cơ sở hoạt động

sự nghiệp, xe ô tô), Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định bán.

Điều 11. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

1. Trên cơ sở đề nghị của Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, bao gồm:

a) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất (trừ các trường hợp quy định tại: Tiết thứ 1 điểm a và tiết thứ 2 điểm b của khoản 2, điểm a khoản 4 Điều này);

b) Xe ô tô, phương tiện vận tải khác;

c) Máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản công (trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này), gồm:

a) Trường hợp các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh có đơn vị trực thuộc:

- Nhà làm việc hoặc các tài sản khác gắn liền với đất phải phá dỡ theo quyết định của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện dự án đầu tư, giải phóng mặt bằng và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật của các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý (quyết định thanh lý tài sản công gửi về Sở Tài chính để theo dõi biến động tài sản).

- Máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý, trên cơ sở thống nhất bằng văn bản của Sở Tài chính.

- Máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý.

b) Trường hợp các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh không có đơn vị trực thuộc:

- Nhà làm việc hoặc các tài sản khác gắn liền với đất phải phá dỡ theo quyết định của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện dự án đầu tư, giải phóng mặt bằng và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật của các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý (quyết định thanh lý tài sản công gửi về Sở Tài chính để theo dõi biến động tài sản).

- Máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý, trên cơ sở thống nhất bằng văn bản của Sở Tài chính.

- Máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc



phạm vi quản lý.

3. Thủ trưởng tại các đơn vị dự toán trực thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản: máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản công, gồm:

a) Nhà làm việc hoặc các tài sản khác gắn liền với đất phải phá dỡ theo quyết định của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện dự án đầu tư xây dựng, giải phóng mặt bằng và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật của các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý.

b) Máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý.

5. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý tài sản công:

a) Máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản thuộc phạm vi quản lý sau khi có ý kiến thống nhất của Phòng Tài chính - Kế hoạch.

b) Máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 50 triệu đồng /01 đơn vị tài sản thuộc phạm vi quản lý, đồng gửi báo cáo cho cơ quan tài chính cùng cấp để theo dõi.

6. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định thanh lý đối với các tài sản công thuộc phạm vi quản lý (trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này).

7. Đối với việc thanh lý vật tư, công cụ, dụng cụ bảo đảm hoạt động thường xuyên (trừ các vật tư, công cụ, dụng cụ đã có văn bản của Nhà nước quy định khác hoặc hướng dẫn riêng) của cơ quan, tổ chức, đơn vị do Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định.

Điều 12. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công

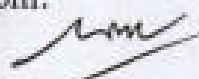
1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, bao gồm:

a) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất;

b) Xe ô tô, phương tiện vận tải khác;

c) Máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản công, gồm:



a) Máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý trên cơ sở thống nhất bằng văn bản của Sở Tài chính.

b) Máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý, đồng gửi báo cáo cho Sở Tài chính để theo dõi.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiêu hủy tài sản công: máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện và cấp xã quản lý.

Điều 13. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, bao gồm:

a) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất;

b) Xe ô tô, phương tiện vận tải khác;

c) Máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại, gồm:

a) Máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý trên cơ sở thống nhất bằng văn bản của Sở Tài chính.

b) Máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý, đồng gửi báo cáo cho Sở Tài chính để theo dõi.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại gồm: máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp huyện và cấp xã quản lý.

Điều 14. Thẩm quyền phê duyệt đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê

1. Trên cơ sở thẩm định của Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề án sử dụng cơ sở hoạt động sự nghiệp; ô tô, phương tiện vận tải khác; máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản vào

mục đích kinh doanh, cho thuê thuộc phạm vi quản lý. Riêng đối với đề án sử dụng cơ sở hoạt động sự nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 10 tỷ đồng trở lên thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xin ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trước khi phê duyệt đề án.

2. Hội đồng quản lý hoặc Thủ trưởng đơn vị phê duyệt đề án sử dụng tài sản công không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này vào mục đích kinh doanh, cho thuê sau khi lấy ý kiến thẩm định của Sở Tài chính.

Điều 15. Thẩm quyền phê duyệt đề án sử dụng tài sản công vào mục đích liên doanh, liên kết

Trên cơ sở thẩm định của Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề án sử dụng tài sản công vào mục đích liên doanh, liên kết thuộc phạm vi quản lý sau khi có ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.



CHƯƠNG III**PHÂN CẤP PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TÀI SẢN PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC**

Điều 16. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án

1. Trên cơ sở đề nghị của Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án điều chuyển cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của tỉnh; bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với:

a) Trụ sở làm việc;

b) Xe ô tô, phương tiện vận tải khác;

c) Máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Giám đốc Sở Tài chính phê duyệt phương án điều chuyển cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của tỉnh; bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.



Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Trách nhiệm thực hiện quản lý, sử dụng tài sản công

1. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Tham mưu, đề xuất cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị trên phạm vi toàn tỉnh.

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định của pháp luật và Quy định này.

c) Tổng hợp, báo cáo, công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định của pháp luật và Quy định này.

2. Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm:

a) Chi đạo và triển khai thực hiện công tác quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi mình quản lý theo đúng quy định pháp luật hiện hành và Quy định này.

b) Báo cáo, công khai tình hình quản lý, sử dụng và kê khai, đăng ký tài sản công thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và Quy định này. Hàng năm, tổng hợp báo cáo, công khai tình hình mua sắm, quản lý và sử dụng tài sản công đến thời điểm 31 tháng 12, gửi Sở Tài chính tổng hợp để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài chính theo quy định.

c) Hướng dẫn các đơn vị trực thuộc về quản lý, sử dụng tài sản công lập hồ sơ về tài sản, thực hiện trình tự, thủ tục mua sắm, thu hồi, bảo dưỡng, sửa chữa, điều chuyển, thanh lý, bán, tiêu hủy, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại theo quy định hiện hành.

Điều 18. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản công

1. Chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Sử dụng tài sản công đúng tiêu chuẩn, định mức; đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả.

3. Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công và chế độ bảo dưỡng, sửa chữa tài sản thuộc lĩnh vực chuyên môn và phạm vi quản lý; công khai tiêu chuẩn, định mức tình hình quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

4. Thực hiện đăng ký, báo cáo tài sản công theo đúng quy định.

5. Chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.



Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét xử lý hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. *l. son*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hồ Quốc Dũng